

Số: 3818 /BHXH-CSXH
V/v hướng dẫn bổ sung triển khai thực hiện
các chính sách hỗ trợ NLĐ và NSDLĐ
do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19

Hà Nội, ngày 25 tháng 11 năm 2021

Kính gửi: BHXH các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
(gọi chung là BHXH tỉnh)

Căn cứ Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động (NLĐ) và người sử dụng lao động (NSDLĐ) gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Quyết định số 33/2021/QĐ-TTg ngày 06/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ NLĐ và NSDLĐ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và phản ánh của một số BHXH tỉnh, thành phố về thực tiễn trong triển khai thực hiện Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, BHXH Việt Nam hướng dẫn bổ sung một số nội dung sau:

A. Về triển khai chính sách hỗ trợ NLĐ và NSDLĐ gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Nghị quyết số 126/NQ-CP ngày 08/10/2021 của Chính phủ

Xác nhận danh sách lao động, lập danh sách chi trả kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho NLĐ và cập nhật đầy đủ trên hệ thống các phần mềm nghiệp vụ. Trường hợp có vướng mắc trong việc cập nhật danh sách lao động đề nghị và danh sách chi trả kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho NLĐ đã xác nhận và lập trước khi phần mềm nghiệp vụ hoàn thiện chức năng thì phản ánh ngay về BHXH Việt Nam (thông qua Trung tâm Công nghệ thông tin) để được hỗ trợ kịp thời.

B. Về triển khai chính sách hỗ trợ NLĐ và NSDLĐ bị ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 từ quỹ bảo hiểm thất nghiệp theo Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 24/9/2021 của Chính phủ

I. Về việc tiếp nhận hồ sơ

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3 Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg thì thời hạn đơn vị sử dụng lao động (đơn vị) nộp danh sách hưởng hỗ trợ đối với NLĐ là hết ngày 10/11/2021. Đối với những đơn vị thuộc đối tượng đang xin ý kiến Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội tại Công văn số 3750/BHXH-CSXH ngày 19/11/2021 của BHXH Việt Nam thì thực hiện tiếp nhận và giải quyết sau khi có ý kiến hướng dẫn của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

II. Về giải quyết, điều chỉnh mức hưởng, hủy hưởng hỗ trợ

1. Thực hiện giải quyết hỗ trợ trên cơ sở thời gian đóng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) được bảo lưu làm căn cứ tính mức hỗ trợ và phải khớp đúng với dữ liệu trên phần mềm quản lý.

2. Nguyên tắc điều chỉnh thời gian đóng BHTN được bảo lưu làm căn cứ tính mức hỗ trợ do xác nhận bổ sung thời gian đóng BHTN, gộp sổ BHXH.

a) Trường hợp đã hưởng trợ cấp thất nghiệp (TCTN)

- NLD có thời gian đóng BHTN đã được giải quyết hưởng TCTN từ 36 tháng trở lên thì thời gian đóng BHTN được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung sẽ được cộng dồn để làm cơ sở tính hưởng hỗ trợ khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định.

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn P có thời gian đóng BHTN là 42 tháng, được hưởng TCTN là 03 tháng và số tháng lẻ được bảo lưu là 06 tháng. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN, ông P được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung thời gian đóng BHTN là 08 tháng, như vậy, thời gian đóng BHTN của ông P làm căn cứ xác định mức hỗ trợ là bằng 14 tháng.

- NLD có thời gian đóng BHTN đã được giải quyết hưởng TCTN dưới 36 tháng thì thời gian đóng BHTN được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung sẽ được cộng dồn để làm cơ sở tính hưởng hỗ trợ khi đáp ứng đủ điều kiện theo nguyên tắc:

Số tháng đóng BHTN làm cơ sở tính hưởng mức hỗ trợ = (số tháng đóng đã xét hưởng TCTN + số tháng xác nhận bổ sung) – (số tháng đóng tương ứng với thời gian đã nhận tiền TCTN + số tháng đóng tương ứng số tháng bị tạm dừng hưởng TCTN). Trong đó, cứ 01 tháng đã hưởng TCTN hoặc 01 tháng bị tạm dừng hưởng TCTN tương ứng với 12 tháng đóng BHTN.

Trường hợp không được bảo lưu do vi phạm quy định về việc khai báo tìm kiếm việc làm theo quy định của Nghị định 61/2020/NĐ-CP thì thời gian làm cơ sở tạm tính mức hỗ trợ = (số tháng đóng đã xét hưởng TCTN + số tháng xác nhận bổ sung) – 36 tháng.

Ví dụ 2: Ông Nguyễn Văn Q có thời gian đóng BHTN là 13 tháng, được hưởng TCTN là 03 tháng và ông Q đã hưởng đủ 03 tháng TCTN. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN, ông Q được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung thời gian đóng BHTN là 07 tháng. Như vậy, ông Q có tổng thời gian đóng BHTN là 20 tháng, đã hưởng 03 tháng TCTN tương ứng với 36 tháng đóng BHTN nên ông Q có số tháng đóng BHTN để làm căn cứ tính hưởng mức hỗ trợ là bằng 0 tháng.

Ví dụ 3: Ông Nguyễn Văn R có thời gian đóng BHTN là 25 tháng, được hưởng TCTN là 03 tháng và ông R đã hưởng đủ 03 tháng TCTN. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN, ông R được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung thời gian đóng BHTN là 15 tháng. Như vậy, ông R có tổng thời gian đóng BHTN là 40 tháng,

đã hưởng 03 tháng TCTN tương ứng với 36 tháng đóng BHTN nên ông R có số tháng đóng BHTN để làm căn cứ tính hưởng mức hỗ trợ là bằng 04 tháng.

Ví dụ 4: Ông Nguyễn Văn S có thời gian đóng BHTN là 16 tháng, được hưởng TCTN là 03 tháng. Ông S hưởng TCTN 01 tháng thì có việc làm, do đó, ông bị chấm dứt hưởng TCTN và được bảo lưu 04 tháng đóng BHTN. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN ông được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung 12 tháng đóng BHTN. Như vậy ông S có số tháng đóng BHTN để làm căn cứ tính hưởng mức hỗ trợ là bằng 16 tháng.

Ví dụ 5: Ông Nguyễn Văn T có thời gian đóng BHTN là 16 tháng, được hưởng TCTN là 03 tháng. Ông T được hưởng TCTN 02 tháng thì có việc làm, do đó, ông bị chấm dứt hưởng TCTN và không được bảo lưu tháng đóng BHTN. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN ông T được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung 12 tháng đóng BHTN. Như vậy, ông T có tổng thời gian đóng BHTN là 28 tháng, đã hưởng 02 tháng TCTN tương ứng với 24 tháng đóng BHTN nên ông T có số tháng đóng BHTN để làm căn cứ tính hưởng mức hỗ trợ là bằng 04 tháng.

Ví dụ 6: Bà Bùi Thị V có thời gian đóng BHTN là 29 tháng, được hưởng TCTN 03 tháng. Bà V đã hưởng TCTN tháng thứ nhất và tháng thứ ba; tháng hưởng TCTN thứ 2 bà bị tạm dừng hưởng TCTN do không thông báo về việc tìm kiếm việc làm theo quy định. Sau khi chấm dứt hưởng TCTN bà được cơ quan BHXH xác nhận bổ sung 08 tháng đóng BHTN. Như vậy, bà V có tổng thời gian đóng BHTN là 37 tháng, đã hưởng TCTN là 03 tháng (bao gồm cả đã hưởng và tạm dừng hưởng) tương ứng với 36 tháng đóng BHTN nên bà V có số tháng đóng BHTN để làm căn cứ tính hưởng mức hỗ trợ là bằng 01 tháng.

b) Trường hợp đang hưởng TCTN

Trường hợp đang hưởng TCTN tại thời điểm 30/9/2021 mà được xác nhận bổ sung thời gian đóng BHTN thì thực hiện điều chỉnh lại thời gian đóng BHTN làm căn cứ hưởng TCTN trước khi giải quyết hưởng hỗ trợ từ quỹ BHTN theo Nghị quyết số 116/NQ-CP.

3. Điều chỉnh mức hưởng, hủy hưởng hỗ trợ

Trường hợp phát sinh điều chỉnh mức hưởng, hủy hưởng hỗ trợ sau khi đã được giải quyết hưởng hỗ trợ thì điều chỉnh lại cơ sở dữ liệu trên hệ thống và sổ BHXH; căn cứ cơ sở dữ liệu và sổ BHXH đã được điều chỉnh thực hiện như sau:

3.1. Phòng/Bộ phận Cấp Sổ, thẻ điều chỉnh thông tin về thời gian đóng BHTN được bảo lưu trên sổ BHXH chuyển Phòng/Bộ phận Quản lý thu để cập nhật vào phần mềm Quản lý Thu - Sổ, thẻ; lập danh sách điều chỉnh theo Mẫu 02a/BHXH, Mẫu 02b/BHXH chuyển Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH.

3.2. Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH tiếp nhận Mẫu 02a/BHXH, Mẫu 02b/BHXH cập nhật lại trên hệ thống, trường hợp thay đổi mức hỗ trợ đã hưởng thì lập Mẫu 03a/BHXH, Mẫu 03b/BHXH trình Giám đốc BHXH huyện/tỉnh phê duyệt chuyển Phòng/Bộ phận Kế hoạch - Tài chính (KH-TC), gửi Mẫu

03a/BHXH đến Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính (Bộ phận TN - Trả KQ) để gửi đơn vị, đồng thời gửi thông báo thu hồi (Mẫu 12/BHXH) đến NLD.

3.3. Phòng/Bộ phận KH-TC

Căn cứ Mẫu 03a/BHXH, Mẫu 03b/BHXH chi trả bổ sung số tiền chênh lệch do điều chỉnh mức hưởng theo hướng dẫn chi trả tiền hỗ trợ tại Công văn số 3068/BHXH-CSXH và Mục III Công văn này đối với trường hợp điều chỉnh tăng mức hưởng; thu hồi số tiền đã chi trả về quỹ BHTN đối với NLD điều chỉnh giảm mức hưởng hoặc hủy hưởng hỗ trợ.

III. Về công tác chi trả hỗ trợ

Đối với việc tổ chức chi trả trong trường hợp đơn vị có nhiều NLD ở vùng sâu, vùng xa, khó khăn trong việc mở tài khoản cá nhân. Căn cứ khả năng nguồn nhân lực của từng địa phương, BHXH tỉnh quyết định việc tổ chức chi trả hỗ trợ đối với NLD theo hình thức chi trả bằng tiền mặt cho NLD tại cơ quan BHXH hoặc tại đơn vị theo hướng dẫn tại Công văn 3068/BHXH-CSXH ngày 01/10/2021 của BHXH Việt Nam.

IV. Trường hợp NLD thay đổi việc nhận/không nhận hỗ trợ

1. Trường hợp tự nguyện không nhận hỗ trợ sau đó thay đổi đề nghị được hưởng hỗ trợ

NLD đã từ chối nhận trên danh sách chi trả trước đó, sau đó lại có nhu cầu nhận hỗ trợ thì lập đề nghị hưởng hỗ trợ Mẫu số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg gửi cơ quan BHXH để giải quyết, chi trả hỗ trợ cho NLD theo hướng dẫn tại Công văn số 3068/BHXH-CSXH.

Thời gian nộp đề nghị: Chậm nhất đến hết ngày 20/12/2021.

2. Trường hợp đã đề nghị nhận hỗ trợ sau đó thay đổi tự nguyện không nhận hỗ trợ

2.1. Bộ phận TN - Trả KQ

a) Hướng dẫn NLD và đơn vị thực hiện như sau:

Đối với NLD đang tham gia BHTN, đề nghị đơn vị lập riêng danh sách các đối tượng này theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg ghi rõ tại cột ghi chú “đã đề nghị hưởng hỗ trợ nay đề nghị tự nguyện không nhận hỗ trợ” và nộp trả cho cơ quan BHXH số tiền người lao động từ chối nhận (nếu đã nhận tiền hỗ trợ).

Đối với NLD đã dừng tham gia BHTN đã nộp Mẫu 04 ban hành kèm theo Quyết định số 28/2021/QĐ-TTg thì gửi đề nghị tự nguyện không nhận hỗ trợ đồng thời nộp lại tiền hỗ trợ nếu đã nhận cho cơ quan BHXH.

b) Chuyển danh sách Mẫu số 02 đến Phòng/Bộ phận Quản lý thu và đề nghị tự nguyện không nhận hỗ trợ của các đối tượng nêu trên đến Phòng/Bộ phận Cấp sổ, Thẻ.

2.2. Phòng/Bộ phận Quản lý thu và Phòng/Bộ phận Cấp sổ, Thẻ.

- Trường hợp Phòng/Bộ phận Quản lý thu và Phòng/Bộ phận Cấp sổ, Thẻ

chưa lập danh sách Mẫu 02a/BHXH và Mẫu 02b/BHXH thì cập nhật vào hệ thống dữ liệu các trường hợp tự nguyện không nhận hỗ trợ.

- Trường hợp đã được rà soát dữ liệu và lập vào Mẫu 02a/BHXH và Mẫu 02b/BHXH thì chuyển ngay đề nghị không nhận hỗ trợ của NLĐ và danh sách Mẫu số 02 do đơn vị lập riêng đối với các trường hợp này đến Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH.

2.3. Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH

- Trường hợp chưa giải quyết thì thực hiện từ chối xét duyệt chuyển trả lại Phòng/Bộ phận Quản lý thu (ghi rõ lý do: người lao động tự nguyện không nhận hỗ trợ) để Phòng/Bộ phận Quản lý thu cập nhật lại đối tượng này trên hệ thống.

- Trường hợp đã giải quyết thì lập ngay Mẫu 03a/BHXH và Mẫu 03b/BHXH (phần điều chỉnh giảm; lý do điều chỉnh ghi rõ “đã đề nghị hưởng hỗ trợ nay đề nghị tự nguyện không nhận hỗ trợ”).

2.4. Phòng/Bộ phận KH-TC

- Trường hợp chưa chi trả cho NLĐ: Căn cứ vào danh sách theo Mẫu 03a/BHXH và Mẫu 03b/BHXH do Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH chuyển sang, dừng chi trả cho NLĐ.

Nếu NLĐ chưa có tên trên danh sách theo mẫu số 11/BHXH (ban hành kèm theo Công văn số 3651/BHXH-TCKT ngày 12/11/2021 của BHXH Việt Nam), không tổng hợp vào danh sách chi trả theo mẫu số 11/BHXH. Nếu NLĐ đã có tên trên danh sách theo mẫu số 11/BHXH kèm ủy nhiệm chi gửi ngân hàng, liên hệ ngay với ngân hàng để dừng chi trả cho NLĐ.

- Trường hợp đã chi trả cho NLĐ: Căn cứ danh sách theo Mẫu 03a/BHXH và Mẫu 03b/BHXH do Phòng/Bộ phận Chế độ BHXH chuyển sang, thực hiện thu hồi số tiền đã chi trả về quỹ BHTN.

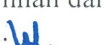
V. Về biểu mẫu

- Sửa đổi các biểu mẫu ban hành kèm theo Công văn 3068/BHXH-CSXH từ mẫu 02a/BHXH đến mẫu 09c/BHXH bằng các biểu mẫu ban hành kèm theo Công văn này.

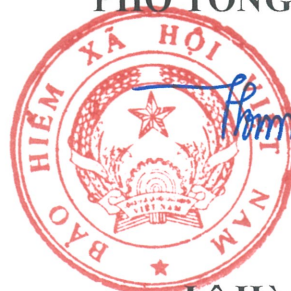
- Bổ sung thông báo thu hồi theo Mẫu 12/BHXH.

Yêu cầu BHXH các tỉnh triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc kịp thời phản ánh về BHXH Việt Nam để xem xét, hướng dẫn. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng quản lý BHXH Việt Nam;
- Các Bộ: LĐTB-XH, TC;
- Tổng Giám đốc;
- Các Phó Tổng Giám đốc;
- Các đơn vị trực thuộc BHXH Việt Nam;
- BHXH Bộ Quốc phòng;
- BHXH Công an nhân dân;
- Lưu: VT, CSXH. 

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Hùng Sơn